

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO

(Kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

A. CÁC CÔNG NGHỆ CAO THUỘC DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NGHỆ CAO.

B. CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO KHÁC:

1. Công nghệ chế tạo thiết bị quang điện tử hồng ngoại.
2. Công nghệ chế tạo các thiết bị đo, cảm biến chính xác kỹ thuật số.
3. Công nghệ chế tạo ăng ten mảng pha.
4. Công nghệ mã hóa, xác thực, đo lường sinh trắc học, đo lường tâm lý học.
5. Công nghệ nhận dạng giọng nói.
6. Công nghệ ứng dụng mạng nơron trong xử lý các dạng tín hiệu.
7. Công nghệ viễn thám, lidar, hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ các ngành, lĩnh vực.
8. Công nghệ tính toán, xử lý song song ứng dụng trong ngân hàng.
9. Công nghệ sản xuất màn hình đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED, AMOLED), màn hình đi-ốt phát quang (LED) và các màn hình tương tác.
10. Công nghệ sử dụng vật liệu biomass hiệu năng cao.
11. Công nghệ sản xuất pin lithium- ion, pin nhiên liệu, tấm pin quang điện mặt trời, nguyên liệu điện cực.
12. Công nghệ sản xuất điện sử dụng năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, điện tử rác thải sinh hoạt, khí sinh học có quy mô công nghiệp.
13. Công nghệ lưới điện thông minh (Smart grids).
14. Công nghệ tiên tiến trong lưu trữ năng lượng.
15. Công nghệ sản xuất thiết bị sạc điện nhanh.
16. Công nghệ sản xuất acid phosphoric (H_3PO_4) thế hệ MARK IV.
17. Công nghệ sản xuất DAP - $(NH_4)_2HPO_4$ kết hợp giữa công nghệ phản ứng tiền trung hòa và công nghệ phản ứng ổng.
18. Công nghệ sản xuất methanol từ khí thiên nhiên, đặc biệt các nguồn khí thiên nhiên có hàm lượng tạp chất (CO_2 , N_2 ...) cao.
19. Công nghệ tiên tiến sản xuất biodiezen từ thực vật.
20. Công nghệ sản xuất H_2 sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (địa nhiệt, gió, quang năng, năng lượng mặt trời...).

21. Công nghệ tăng sản lượng khai thác dầu nhờ bơm các thành phần không có tính axit.
22. Công nghệ tiên tiến làm sạch các tháp phản ứng trong dây chuyền chế biến dầu khí.
23. Công nghệ ngăn ngừa và loại bỏ lắng đọng nhựa paraffin - asphalt ở các giếng Gaslift bằng phương pháp hóa lý trong khai thác dầu khí.
24. Công nghệ nâng cao sản lượng khai thác dầu bằng dung môi chất xúc tác enzyme.
25. Công nghệ xử lý vùng cận đáy giếng bằng hợp chất Chelate tự nhiên tổng hợp.
26. Công nghệ đập giếng khi sửa chữa lớn giếng khoan trong điều kiện áp suất vỉa dị thường thấp.
27. Công nghệ nâng cao chất lượng gia cố ống chống lún khi xây dựng giếng khoan dầu khí.
28. Công nghệ chẩn đoán bằng hình ảnh - thiết bị nội soi (bore scope) khi kiểm tra các động cơ, thiết bị quay cơ khí.
29. Công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực phun phủ, xử lý bề mặt trong chế tạo máy, cơ khí.
30. Công nghệ tuyển nổi và tự động hóa quá trình tuyển; tuyển trọng lực quặng hạt mịn; tuyển từ có từ trường siêu mạnh trong tuyển quặng kim loại màu.
31. Công nghệ tuyển và làm giàu, quặng hiếm (Liti, đất hiếm); công nghệ tuyển và chế biến quặng đất hiếm.
32. Công nghệ tuyển quặng apatit loại II, loại IV, quặng nghèo, quặng crômít có thu hồi Ni, Co, quặng sắt laterit vùng Tây Nguyên.
33. Công nghệ khí hóa than ngầm (UCG - Underground Coal Gasification).
34. Công nghệ nấu luyện và tinh luyện kim loại, hợp kim từ quặng nghèo, quặng đa kim.
35. Công nghệ thu hồi quặng sắt và sản xuất thép từ bùn đỏ.
36. Công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong thu hồi kim loại quý từ các nguồn rác thải điện tử.
37. Công nghệ sản xuất alumin phẩm cấp hóa chất (CGA);
38. Công nghệ nung tăng sôi tuần hoàn CFB và giảm áp, tách hơi tiên tiến trong sản xuất alumin.
39. Công nghệ sản xuất các loại hợp kim ferro: Ferro Molipden (FeMo), Ferro Wonfram (FeW); các loại hợp kim ferro cacbon thấp, cực thấp.
40. Công nghệ khai thác và tuyển quặng titan trong tầng cát đỏ.
41. Công nghệ chế biến cát xây dựng từ đuôi thải tuyển titan trong tầng cát đỏ.
42. Công nghệ khai thác lò chợ xiên chéo chống bằng giàn mềm tại các mỏ hầm lò.
43. Công nghệ cơ giới hóa khâu than đồng bộ, chống giữ bằng giàn tự hành.
44. Công nghệ cơ giới hóa khâu than bằng máy kết hợp chống giữ bằng giá khung hoặc giá xích.
45. Công nghệ đào chống lò bằng vôi neo.
46. Công nghệ tự động hóa trong điều độ giám sát tập trung trong các mỏ (nhà máy) than.
47. Công nghệ tự động hóa hầm bơm trung tâm mỏ than hầm lò.
48. Công nghệ tuyển sâu các loại khoáng sản bauxite, sắt, đồng, titan.
49. Công nghệ than sạch CCT (Clean Coal Technology).

50. Công nghệ tổng hợp và bán tổng hợp các sản phẩm hóa dược từ nguồn nguyên liệu động thực vật có sẵn trong nước.

51. Công nghệ sản xuất xi titan bằng lò điện một chiều hai giai đoạn.

52. Công nghệ sản xuất pigment titan bằng phương pháp clorua hóa.

53. Công nghệ sản xuất titan xốp bằng phương pháp Kroll.

54. Công nghệ luyện cốc không thu hồi sản phẩm phụ và đập cốc khô.

55. Công nghệ thải khô bùn đỏ trong sản xuất alumin.

56. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng từ bùn đỏ trong sản xuất alumin.

57. Công nghệ tiên tiến xử lý tro, xỉ, thạch cao phốt pho từ nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép, nhà máy phân bón, hóa chất làm vật liệu xây dựng.

58. Công nghệ thuộc da thân thiện với môi trường.

59. Công nghệ tự động hóa trong quá trình thuộc da, quá trình sản xuất nguyên phụ liệu và các sản phẩm da - giấy.

60. Công nghệ sản xuất và thi công bê tông nhựa ẩm.

61. Công nghệ cào bóc, tái chế kết cấu áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng tại chỗ.

62. Công nghệ BIM (Building Information Modeling).

63. Công nghệ chế tạo, sản xuất phương tiện giao thông chạy điện quy mô công nghiệp, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

64. Công nghệ tiên tiến phục vụ kiểm tra, kiểm định các công trình cầu hầm, đê, đập; gia cố, sửa chữa vỏ hầm.

65. Công nghệ tiên tiến phát hiện, cảnh báo sớm trượt lở đất.

66. Công nghệ cảnh báo tự động về mức độ an toàn của các công trình đập.

67. Công nghệ hiện đại quan trắc các công trình giao thông trong giai đoạn vận hành khai thác.

68. Công nghệ chế tạo các chủng loại động cơ sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo có hiệu suất cao, thân thiện với môi trường.

69. Công nghệ thiết kế, chế tạo tàu đa năng sử dụng đồng thời cho quốc phòng, an ninh và dân dụng.

70. Công nghệ thiết kế, chế tạo, lắp ráp đầu máy - toa xe chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

71. Công nghệ truyền tin sử dụng sóng thủy âm, định vị dưới sông, biển (sonar) phục vụ khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ lãnh hải, cứu hộ, cứu nạn.

72. Công nghệ tiên tiến phục vụ đo đạc và lập bản đồ địa hình đáy biển.

73. Công nghệ tiên tiến phục vụ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên dưới đáy biển.

74. Công nghệ tiên tiến sản xuất các thiết bị tự hành trên sông, biển hoặc dưới biển.

75. Công nghệ tiên tiến trong thi công công trình biển, công trình ngập trong nước; sản xuất bê tông từ cát biển, nước biển.

76. Công nghệ cắt, hàn dưới nước.
77. Công nghệ chế tạo thiết bị điều chỉnh tự động từ xa (nhiệt độ, áp suất, điện áp, lưu lượng, vòng quay) trên tàu thủy.
78. Công nghệ chế tạo nghi khí hàng hải cho tàu thủy và công trình biển.
79. Công nghệ tự động hóa trong chẩn đoán và điều trị, sản xuất dược, trang thiết bị y tế.
80. Công nghệ nuôi cấy sinh khối tổng hợp các chất có hoạt tính sinh học giá trị cao.
81. Công nghệ tiên tiến sản xuất vắc-xin, sinh phẩm y tế.
82. Công nghệ sản xuất thuốc mới, biệt dược gốc, thuốc generic, thuốc điều trị bệnh hiểm nghèo, bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm.
83. Công nghệ gen và công nghệ di truyền sản xuất các chế phẩm dùng chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật.
84. Công nghệ trong kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
85. Công nghệ tiên tiến chiết xuất các hoạt chất hữu ích từ nguyên liệu nông, lâm, thủy, hải sản, dược liệu, vi sinh vật phục vụ cho các ngành, lĩnh vực.
86. Công nghệ sản xuất chế phẩm enzym.
87. Công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật có nguồn gốc bản địa, có hoạt tính sinh học tốt, an toàn ứng dụng cho các sản phẩm lên men.
88. Công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh trong chăn nuôi.
89. Công nghệ nông nghiệp chính xác (Precision Agriculture).
90. Công nghệ sấy thóc siêu tốc dùng môi chất sấy nhiệt độ cao.
91. Công nghệ tiên tiến sản xuất thức ăn phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản sử dụng protein, enzym, vi sinh vật đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
92. Công nghệ tiên tiến chế biến, bảo quản nguyên liệu, phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản không sử dụng hóa chất.
93. Công nghệ sản xuất phân bón thế hệ mới có hiệu quả sử dụng cao hơn (tối thiểu 10%), ít tác động tiêu cực đến môi trường đất, nông sản so với phân bón cùng loại phổ biến, cùng thời điểm trên thị trường.
94. Công nghệ nuôi nhân tế bào và tế bào gốc côn trùng phục vụ sản xuất thuốc sinh học bảo vệ thực vật vi rút.
95. Công nghệ sinh lý và sinh hóa côn trùng.
96. Công nghệ tiên tiến trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản năng suất, chất lượng cao, có sức kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.
97. Công nghệ sản xuất giống, nuôi cá ngừ đại dương, tôm hùm, san hô.
98. Công nghệ sản xuất giống tôm sú, tôm chân trắng bố, mẹ sạch bệnh.
99. Công nghệ sinh học trong giám định, chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị sinh vật hại cho cây trồng, vật nuôi.
100. Công nghệ sản xuất các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong nông sản thu hoạch.

101. Công nghệ tiên tiến bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản quy mô công nghiệp theo chuỗi giá trị (bao gồm cả khai thác, chế biến phụ phẩm nông nghiệp và thủy sản).
102. Công nghệ chế biến gỗ và lâm sản đạt tiêu chuẩn các nước, vùng lãnh thổ có công nghệ tiên tiến, phát triển (Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản...).
103. Công nghệ chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đem lại giá trị gia tăng cao (từ 15% trở lên).
104. Công nghệ CAS (Cells Alive System) bảo quản nông sản, thực phẩm quy mô công nghiệp.
105. Công nghệ biến tính gỗ, công nghệ nano, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm thân thiện với môi trường để bảo quản gỗ, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
106. Công nghệ bảo quản lạnh trứng, tinh trùng, hợp tử động vật.
107. Công nghệ cấy truyền phôi.
108. Công nghệ gen/ADN phục vụ cho quản lý, bảo tồn động thực vật, đa dạng sinh học.
109. Công nghệ lưu giữ, bảo tồn, sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản bản địa quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.
110. Công nghệ điều khiển thời gian ra hoa, kết trái và thu hoạch của các loại cây trồng.
111. Công nghệ tự động hóa quá trình chăn nuôi, trồng trọt và thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp.
112. Công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất quy mô công nghiệp các loại nguyên, vật liệu phụ trợ: Keo dán, sơn phủ bề mặt, phụ kiện cơ khí, chế tạo máy và thiết bị.
113. Công nghệ vật liệu mới trong tạo vỏ bầu tự hủy, ruột bầu ươm cây giống.
114. Công nghệ phát hiện sớm túi nước, túi khí C_nH_{2n+2} .
115. Công nghệ tưới tiết kiệm nước, bổ sung dinh dưỡng, vi lượng, điều khiển tự động.
116. Công nghệ xử lý nước biển thành nước ngọt công suất trên 2000 lít/giờ.
117. Công nghệ sản xuất nguyên liệu in 3D.
118. Công nghệ chế tạo các vật liệu composite dạng dẻo, dạng bimetal, thrimetal.
119. Công nghệ sản xuất sợi, vải carbon và các loại sợi gia cường composite.
120. Công nghệ sản xuất chất lỏng thủy lực, chất lỏng gia công kim loại thân thiện môi trường.
121. Công nghệ sản xuất bao bì dễ phân hủy, an toàn, thân thiện môi trường.
122. Công nghệ tái chế tiên tiến và tái sử dụng chất thải.
123. Công nghệ sản xuất vật liệu, chế phẩm xử lý ô nhiễm môi trường.
124. Công nghệ xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp kết hợp thu hồi năng lượng, không sinh ra sản phẩm phụ, chất thải độc hại.
125. Công nghệ thu gom, lưu giữ và xử lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs).
126. Công nghệ xử lý, tái sử dụng nước thải công nghiệp không sinh ra chất độc hại.
127. Công nghệ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái bị ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng; ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

128. Công nghệ chế tạo thiết bị xử lý nước và môi trường quy mô nhỏ, áp dụng cho các khu vực dân cư miền núi, vùng ven biển và vùng ngập mặn.
129. Công nghệ tự động hóa trong kiểm soát, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh.
130. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống giám sát khí thải độc hại từ xa bằng phương pháp phổ hồng ngoại (FTIR).
131. Công nghệ thu hồi và lưu giữ cacbon.
132. Công nghệ làm sạch biogas.
133. Công nghệ quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học.
134. Công nghệ đo đạc các yếu tố khí tượng thủy văn.
135. Công nghệ tự động hóa truyền dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tới người dùng.
136. Công nghệ giám sát, cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm.
137. Công nghệ giám sát, đo đạc phát thải nhà kính.
138. Công nghệ chế tạo các thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn tự động và truyền tin thời gian thực.
139. Công nghệ tiên tiến phục vụ dự báo bão, lũ, động đất, sóng thần và các hiện tượng thiên tai khác.
140. Công nghệ tác động vào thời tiết.
141. Công nghệ tiên tiến trong lưu giữ, bảo quản, phục chế tài liệu, hiện vật bảo tàng.
142. Công nghệ sản xuất thang máy điện có vận tốc trên 2.5m/s.
143. Các công nghệ hiện đại hóa ngành nghề truyền thống.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO

(Kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

I. CÔNG NGHỆ CHUYỂN GIAO TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM VÀ TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Công nghệ sản xuất đèn chiếu sáng bằng sợi đốt trong khí trơ.
2. Công nghệ sản xuất linh kiện điện tử chân không, linh kiện bán dẫn mức độ tích hợp thấp.
3. Công nghệ sản xuất các loại mạch in 1 lớp, 2 lớp.
4. Công nghệ truyền hình số mặt đất, truyền hình số vệ tinh không tương thích tiêu chuẩn của DVB; công nghệ truyền hình tương tự.
5. Công nghệ chế tạo, thiết kế hệ thống thông tin - tín hiệu bằng rơ le.
6. Công nghệ làm giàu các chất phóng xạ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
7. Công nghệ sản xuất thép bằng lò cảm ứng, lò chuyển, lò điện hồ quang dung lượng lò nhỏ dưới 70 tấn/mẻ.

8. Công nghệ luyện thép có dây chuyền cán không liên tục.
9. Công nghệ nhiệt điện sử dụng dầu, than.
10. Công nghệ làm sạch vỏ tàu bằng hạt Nix.
11. Công nghệ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
12. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng Amiăng trắng.
13. Công nghệ sản xuất gạch gốm ốp lát có công suất nhỏ hơn 3 triệu m²/năm.
14. Công nghệ sản xuất gạch đất sét nung bằng lò tuynel sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
15. Công nghệ sản xuất kính nổi có mức tiêu hao nhiên liệu và năng lượng như sau: Dầu FO lớn hơn 160 kg/tấn sản phẩm; dầu DO lớn hơn 0,5 kg/tấn sản phẩm; điện lớn hơn 100 KWh/tấn sản phẩm.
16. Công nghệ sản xuất phát sinh chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs).
17. Công nghệ sản xuất phân bón hóa học thông thường có công suất dưới 1.000 tấn/năm.
18. Công nghệ đồng phân hóa sử dụng các axit flohydric, axit sulfuric làm xúc tác.
19. Công nghệ sử dụng hóa chất độc hại trong nuôi, trồng, chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
20. Công nghệ sản xuất thuốc bảo quản lâm sản chứa chất độc hại thạch tín (arsenic).
21. Công nghệ sản xuất các loại thuốc sát trùng gia dụng, thuốc diệt côn trùng, diệt chuột bằng phương pháp sinh học gây độc hại cho con người và môi trường.
22. Công nghệ sử dụng các loài sinh vật phi bản địa có nguy cơ xâm lấn chưa rõ nguồn gốc, đặc tính bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật và các lĩnh vực khác.
23. Công nghệ tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng phương pháp biến đổi gen trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy hải sản.
24. Công nghệ sử dụng giống biến đổi gen.
25. Công nghệ sản xuất các giống cây trồng nhiễm sinh vật gây hại (sâu, bệnh) nặng.
26. Công nghệ sản xuất ván dăm, ván sợi theo phương pháp ướt/công suất nhỏ hơn 100.000 m³/năm.
27. Công nghệ sản xuất vật liệu trang sức đồ gỗ, bảo quản lâm sản chứa lưu huỳnh hoặc dư lượng hợp chất hữu cơ bay hơi hàm lượng cao.
28. Công nghệ nuôi trồng, sản xuất, chế biến thực phẩm, thủy hải sản sử dụng chất bảo quản thực phẩm, chất kích thích tăng trưởng chưa được phép sử dụng.
29. Công nghệ chế biến bột cá dạng hờ không gây ô nhiễm môi trường.
30. Công nghệ in, đúc tiền; công nghệ sản xuất giấy in tiền, mực in tiền.
31. Công nghệ in tráng phim sử dụng hóa chất độc hại đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
32. Công nghệ, máy móc phục vụ sản xuất phim, chiếu phim bằng chất liệu nhựa 35 mm.
33. Công nghệ tái chế dầu nhờn đã qua sử dụng bằng phương pháp xử lý nhiệt, hấp phụ và/hoặc dung môi.

34. Công nghệ hạn chế chuyển giao theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. CÔNG NGHỆ CHUYỂN GIAO TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

1. Công nghệ sản xuất giống, nuôi, trồng sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu chủ lực.

2. Công nghệ sản xuất, nhân, nuôi trồng các giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm thuộc danh mục quý hiếm hạn chế xuất khẩu.

3. Công nghệ sản xuất giống, các đối tượng sinh vật bản địa có nguồn gen quý, có tiềm năng phát triển thành sản phẩm quốc gia, các đối tượng sinh vật bản địa có nguy cơ tuyệt chủng, nguy cấp cần bảo vệ.

4. Công nghệ sản xuất thực phẩm thuộc ngành nghề truyền thống có sử dụng các chủng giống vi sinh vật có đặc tính quý hiếm.

5. Công nghệ chế biến sản phẩm nông sản, thủy sản, dược phẩm của Việt Nam có thương hiệu và giá trị gia tăng cao.

6. Công nghệ hạn chế chuyển giao theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CẤM CHUYỂN GIAO

(Kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

I. CÔNG NGHỆ CHUYỂN GIAO TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM VÀ TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Công nghệ điều chế chất ma túy.

2. Công nghệ nhân bản vô tính phôi người.

3. Công nghệ in, sắp chữ bằng bản chì.

4. Công nghệ sản xuất pin bằng phương pháp hồ điện dịch.

5. Công nghệ điện phân dùng điện cực thủy ngân.

6. Công nghệ sử dụng thủy ngân trong khai thác vàng quy mô nhỏ.

7. Công nghệ sản xuất sơn chống hà sử dụng thủy ngân.

8. Công nghệ sản xuất điện thoại công nghệ PHS.

9. Công nghệ DECT sử dụng tần số không phù hợp với quy hoạch tần số của Việt Nam.

10. Công nghệ sản xuất modem tương tự và dial-up, ADSL.

11. Công nghệ thông tin di động CDMA 2000-1X.

12. Công nghệ sản xuất tivi, máy tính cá nhân sử dụng tia điện tử để tạo hình ảnh theo công nghệ analog.

13. Công nghệ vô hiệu hóa chức năng an toàn thông tin hoặc tấn công/xâm nhập hệ thống thông tin trừ trường hợp phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh.

14. Công nghệ phá sóng, chèn sóng vô tuyến điện (trừ trường hợp chuyển giao phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh).

15. Công nghệ chặn thu, giải mã các hệ thống thông tin (trừ trường hợp chuyển giao phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh).

16. Công nghệ vô hiệu hóa các thiết bị ghi âm, ghi hình, đo, đếm, tính tải trọng, tốc độ phương tiện giao thông, trừ trường hợp phục vụ nhu cầu an ninh.

17. Công nghệ vô hiệu hóa thiết bị đo, đếm, tính lượng điện năng sử dụng.

18. Công nghệ vô hiệu hóa thiết bị tính thời gian sử dụng điện thoại.

19. Công nghệ sản xuất động cơ 2 kỳ dùng cho xe cơ giới.

20. Công nghệ sản xuất xe ô tô không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 3 và không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 4 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

21. Công nghệ động cơ điện sức kéo dùng điện 1 chiều đối với đầu máy toa xe đường sắt.

22. Công nghệ sử dụng mạch điện đường ray đối với hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu trên đường sắt đô thị.

23. Công nghệ có hệ thống cung cấp điện sức kéo cấp điện áp 3kV một chiều đối với đường sắt.

24. Công nghệ sản xuất các sản phẩm hóa nổ bằng phương pháp thủ công.

25. Công nghệ sản xuất các loại vũ khí, khí tài, vật liệu nổ các loại trừ vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị kỹ thuật quốc phòng, an ninh (trừ trường hợp chuyển giao phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh).

26. Công nghệ chế tạo công cụ hỗ trợ, phương tiện, phần mềm có khả năng vô hiệu hóa các thiết bị phát hiện việc truy cập, đánh cắp dữ liệu mạng máy tính điện tử (trừ trường hợp chuyển giao phục vụ nhu cầu an ninh, quốc phòng, an ninh).

27. Công nghệ vô hiệu hóa thiết bị kiểm tra, phát hiện vũ khí, vật liệu nổ, ma túy và đồ vật nguy hiểm khác (trừ trường hợp chuyển giao phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh).

28. Công nghệ tuyển, luyện kim, tinh chế kim loại, sản xuất vật liệu sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, gây ô nhiễm môi trường.

29. Công nghệ sản xuất xi măng lò đứng.

30. Công nghệ sản xuất xi măng lò quay bằng phương pháp ướt.

31. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng Amiăng Amfibole (Amiăng nâu và xanh).

32. Công nghệ sản xuất xi măng lò quay có công suất lò nung nhỏ hơn 4.000 tấn clanhke/ngày.

33. Công nghệ sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng, lò vòng cải tiến (kiểu lò Hoffman) sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí).

34. Công nghệ xử lý chất thải bằng phương pháp đốt một cấp hoặc công nghệ đốt chất thải không có hệ thống xử lý khí thải.

35. Công nghệ xử lý chất thải nguy hại chứa các thành phần halogen hữu cơ vượt ngưỡng chất thải nguy hại bằng công nghệ một buồng và hai buồng có nhiệt độ khói buồng 2 thấp hơn 1200°C.

36. Công nghệ sử dụng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt có quy mô công suất nhỏ hơn 300 kg/h.

37. Công nghệ sản xuất keo gỗ và chất phụ gia có hại cho sức khỏe và môi trường Urea-Formaldehyde, keo Phenol-Formaldehyde, sản phẩm có hàm lượng Formaldehyde tự do vượt quá giới hạn (Formaldehyde class > E2).

38. Công nghệ nhân giống cây trồng, gây trồng, sử dụng các loài sinh vật ngoại lai (động vật, thực vật và vi sinh vật) thuộc danh mục các loài ngoại lai xâm hại.

39. Công nghệ sử dụng các loài sinh vật phi bản địa bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật thuộc Danh mục các loài ngoại lai xâm hại.

40. Công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam.

41. Công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK theo phương pháp thủ công (chảo quay, trộn thô).

42. Công nghệ sản xuất thuốc bảo quản lâm sản chứa chất độc hại cho sức khỏe và môi trường Pentachlorophenol (PCP), Dichloro Diphenyl Trichloroethane (DDT).

43. Công nghệ sản xuất axit sulfuric bằng phương pháp tiếp xúc đơn, hấp thụ đơn.

44. Công nghệ sử dụng chất CFC và HCFC.

45. Công nghệ sử dụng các hợp chất hữu cơ khó phân hủy POPs.

46. Công nghệ sử dụng thủy ngân nằm trong công ước hạn chế thủy ngân Minamata.

47. Công nghệ thi công nền mặt đường sử dụng các hóa chất, phụ gia độc hại ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.

48. Công nghệ cấm chuyển giao theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. CÔNG NGHỆ CHUYỂN GIAO TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

1. Công nghệ cấm chuyển giao theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Công nghệ thuộc Danh mục bí mật nhà nước.

PHỤ LỤC IV

CÁC MẪU

(Kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký chuyển giao công nghệ
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ
Mẫu số 07	Danh sách chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ của tổ chức
Mẫu số 08	Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá/giám định công nghệ của chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ
Mẫu số 09	Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá, giám định công nghệ

Mẫu số 10	Báo cáo tình hình đăng ký chuyển giao công nghệ
Mẫu số 11	Báo cáo tình hình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ
(hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố.....)

I. CÁC BÊN THAM GIA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):

Email:

Fax:

Website:

- Người đại diện:

Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại (tel):

Email:

Fax:

Website:

- Người đại diện:

Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

II. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:

- Lĩnh vực công nghệ chuyển giao:

- Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ		☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu		☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ		☐
Máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng nêu trên		☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp	Sáng chế	☐
- Số văn bằng bảo hộ hoặc số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ):... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Giải pháp hữu ích	☐
- Số giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Kiểu dáng công nghiệp	☐

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập		☐
Dự án đầu tư		☐
Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
	Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
Nhượng quyền thương mại		☐
Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ		☐
Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
	Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)		☐

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ		☐
Đào tạo		☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật		☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật.		☐
Phương thức chuyển giao khác (ghi tên phương thức khác nếu có)		☐

5. Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐

	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ	☐
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

6. Giá trị chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung		Giá trị
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ		
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp	Sáng chế	
		Giải pháp hữu ích	
		Kiểu dáng công nghiệp	
3	Đào tạo		
3.1	Đào tạo nước ngoài		
3.2	Đào tạo trong nước		
4	Hỗ trợ kỹ thuật		
5	Máy móc, thiết bị		
Tổng:			

7. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa		☐
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần.....)		☐
Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh		☐
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần		☐
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	☐
	Sau thuế của bên nhận	☐
Phương thức thanh toán khác (nêu tên phương thức)		☐

8. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, tiêu chuẩn cơ sở, quốc tế,...):
- Sản lượng:
- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):

9. Vai trò của công nghệ với ứng phó biến đổi khí hậu (với công nghệ chuyển giao phục vụ cho các chương trình, dự án có mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu)

Công nghệ hỗ trợ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	☐
Công nghệ hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu	☐

III. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng..... (nước ngoài)	☐
Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ	☐
Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng	☐
Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	☐
Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ)	☐

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được nêu trên đây là đúng sự thực và nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

TM. CÁC BÊN

BÊN NHẬN

(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển giao công nghệ trong nước)

hoặc

BÊN GIAO

(trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài)

Lưu ý: Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “√” vào trong ô trống.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Không được sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

TÊN CƠ QUAN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Số: .../GCN-... cấp ngày... tháng... năm...

1. Bên giao công nghệ:

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...) số.... ngày... tháng... năm... do.... (tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

2. Bên nhận công nghệ:

Tên:

Trụ sở chính:

Số điện thoại: fax: Email:

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...) số.... ngày... tháng... năm... do....(tên cơ quan) cấp.

Mã số doanh nghiệp/thuế:

Đăng ký chuyển giao công nghệ:

1. Tên văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ (tên, số, ngày ký):

2. Tên công nghệ chuyển giao:

3. Hình thức chuyển giao công nghệ (dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác):

4. Đối tượng công nghệ chuyển giao:

5. Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:

6. Tên sản phẩm (do công nghệ chuyển giao tạo ra):

Số đăng ký: .../ĐK-..... Quyền số: ngày... tháng... năm...

Tên cơ quan chứng nhận đăng ký
chuyển giao công nghệ
(Chữ ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....
Cơ quan cấp: cấp ngày..... tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ đối với ngành.....², trong lĩnh vực³

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi “Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ”).

² Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

3 Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ¹**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ số:ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành.....², trong lĩnh vực.....³

4. Hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể ngành⁴, lĩnh vực⁵ đề nghị bổ sung) hoặc danh sách chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ sửa đổi, bổ sung (họ tên, năm sinh, trình độ đào tạo, ngành, lĩnh vực thực hiện đánh giá/giám định viên công nghệ tại tổ chức).

5. Hồ sơ kèm theo:

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được sửa đổi, bổ sung điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ đối với..... (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực đề nghị bổ sung, sửa đổi).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị sửa đổi, bổ sung hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: “Đơn đề nghị bổ sung hoạt động đánh giá công nghệ”).

² Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

³ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện - điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

⁴ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

⁵ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện - điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ¹**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ số:..... ngày .../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) đối với ngành², trong lĩnh vực.....³

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ:

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ cho(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: “Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ”).

² Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

³ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện - điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 06

**(TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ¹**

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ) và/hoặc (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận), chứng nhận:

1. (Tên tổ chức đánh giá/giám định công nghệ)

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

Đã đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ đối với ngành², trong lĩnh vực.....³

2. Số đăng ký:

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;

- Lưu: VT,.....

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: “Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đánh giá công nghệ”).

² Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

³ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện - điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC:.....

**DANH SÁCH
CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ
CỦA TỔ CHỨC**

Danh sách chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ (đối với tổ chức đánh giá/giám định công nghệ):

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá/giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá, giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
...							

(Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của..... (chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ¹**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác
----	-----------	---------------------	-----------------

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá/giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ ¹	Kết quả đánh giá/ giám định công nghệ
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Đăng ký hoạt động nào thì ghi hoạt động đó (ví dụ: “Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của đánh giá viên công nghệ”).

Mẫu số 9

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹)
 (TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ/
 GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ/GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ²
 (Từ ngày/...../20... đến ngày/...../20....)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tên tổ chức đánh giá/giám định công nghệ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:
- Tình hình hoạt động

(Tên tổ chức đánh giá/giám định công nghệ) báo cáo tình hình hoạt động đánh giá/giám định công nghệ từ ngày/...../20... đến ngày/...../20... như sau:

a) Nhân sự thực hiện đánh giá/giám định công nghệ:

Chỉ tiêu	Số lượng	
	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước
Tổng số chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ		

Kèm theo chi tiết danh sách chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ đã tham gia thực hiện đánh giá/giám định công nghệ tại tổ chức.

b) Hoạt động đánh giá/giám định công nghệ trong kỳ báo cáo:

- Tên ngành³, trong lĩnh vực⁴ đã thực hiện đánh giá/giám định công nghệ trong kỳ báo cáo:

- Số lượng (tương ứng với từng ngành, lĩnh vực chuyên ngành), nội dung công việc đã tiến hành đánh giá/giám định công nghệ:

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

a) Những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình đánh giá/giám định công nghệ:

b) Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá/giám định công nghệ:

(Tên tổ chức đánh giá/giám định công nghệ) báo cáo đề quý Bộ Khoa học và Công nghệ được biết./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi tên cơ quan chủ quản đối với tổ chức (nếu có)

² Báo cáo hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Báo cáo tình hình hoạt động giám định công nghệ).

³ Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

⁴ Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện - điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...).

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH.....
**SỞ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng ... năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
(từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Thực hiện quy định của Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ... xin gửi quý bộ báo cáo tình hình đăng ký chuyển giao công nghệ trong thời gian từ ngày... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm... như sau:

1. Thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ:
 - a) Tổng số lượng:
 - b) Tổng giá trị (quy đổi về VNĐ):
 2. Thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ:
 - a) Tổng số lượng:
 - b) Tổng giá trị (quy đổi về VNĐ):
 3. Thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn chuyển giao công nghệ:
 - a) Tổng số lượng:
 - b) Tổng giá trị (quy đổi về VNĐ):
- Chi tiết các thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp Giấy chứng nhận xin gửi kèm theo Công văn này.
4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị (nếu có):
- Trên đây là báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ..., xin gửi quý bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

CHI TIẾT CÁC THỎA THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

(từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)
Kèm theo Công văn số: .../... ngày... tháng... năm....

1. Đối với thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ:

TT	Tên văn bản thỏa thuận CGCN	Bên giao công nghệ (tên, địa chỉ)	Bên nhận công nghệ (tên, địa chỉ)	Tổng giá trị công nghệ chuyển giao (quy đổi về VNĐ)	Hình thức chuyển giao (dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác (ghi tên hình thức khác)	Đối tượng công nghệ chuyển giao	Lĩnh vực công nghệ chuyển giao	Sản phẩm của công nghệ chuyển giao	Thời hạn văn bản thỏa thuận CGCN	Số Giấy chứng nhận.../ ngày cấp
1										
2										
...										

2. Đối với thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ:

TT	Tên văn bản thỏa thuận CGCN	Bên giao công nghệ (tên, địa chỉ)	Bên nhận công nghệ (tên, địa chỉ)	Tổng giá trị công nghệ chuyển giao (quy đổi về VNĐ)	Hình thức chuyển giao (dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác (ghi tên hình thức khác)	Đối tượng công nghệ chuyển giao	Lĩnh vực công nghệ chuyển giao	Sản phẩm của công nghệ chuyển giao	Thời hạn văn bản thỏa thuận CGCN	Số Giấy chứng nhận.../ ngày cấp
1										
2										
...										

3. Đối với thỏa thuận chuyển giao công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn chuyển giao công nghệ:

TT	Tên văn bản thỏa thuận CGCN	Bên giao công nghệ (tên, địa chỉ)	Bên nhận công nghệ (tên, địa chỉ)	Tổng giá trị công nghệ chuyển giao (quy đổi về VNĐ)	Hình thức chuyển giao (dự án đầu tư/mua bán độc lập/hình thức khác (ghi tên hình thức khác)	Đối tượng công nghệ chuyển giao	Lĩnh vực công nghệ chuyển giao	Sản phẩm của công nghệ chuyển giao	Thời hạn văn bản thỏa thuận CGCN	Số Giấy chứng nhận.../ ngày cấp
1										
2										
...										

Ghi chú: Giá trị văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ đề nghị quy đổi về đơn vị VNĐ.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
ĐÁNH GIÁ, GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ
(Từ ngày ... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện quy định của Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, (tên cơ quan báo cáo) xin gửi quý bộ báo cáo tình hình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ cho các tổ chức trong thời gian từ ngày... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm... như sau:

1. Tổ chức được cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ:

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, email, website,...)	Đánh giá công nghệ		Giám định công nghệ	
			Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực	Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực
1						
2						
...						

2. Tổ chức được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ:

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, email, website,...)	Đánh giá công nghệ		Giám định công nghệ	
			Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực	Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực
1						
2						
...						

3. Tổ chức được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ:

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, email, website,...)	Đánh giá công nghệ		Giám định công nghệ	
			Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực	Số Giấy chứng nhận/ngày cấp	Lĩnh vực
1						
2						
...						

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị (nếu có):

Trên đây là báo cáo của (tên cơ quan báo cáo), xin gửi quý bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)